

SỞ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

ĐỀ NGHỊ SỐ: 16-FD
Số: 25 /KH-UBND
Ngày: 01/4/2015

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 3 năm 2015

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 1580/QĐ-TTg ngày 06/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020

Căn cứ Quyết định số 1580/QĐ-TTg ngày 06/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020;

Thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 07/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XV thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. MỤC ĐÍCH

Kế hoạch này cụ thể hóa Quyết định số 1580/QĐ-TTg ngày 06/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 07/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XV, nhằm nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh về chiến lược, tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; xác định nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở cụ thể hoá thành các chương trình, đề án, kế hoạch; các cơ chế, chính sách, biện pháp thực hiện để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

II. YÊU CẦU

Thực hiện Kế hoạch phải được đặt dưới sự chỉ đạo, điều hành chặt chẽ, toàn diện của Ủy ban nhân dân các cấp, các ngành, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân. Thực hiện với giải pháp đồng bộ, toàn diện,

- L. S. 9
- Các đ. 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 334, 335, 336, 337, 338, 339, 340, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 457, 458, 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 496, 497, 498, 499, 500, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 512, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 574, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, 582, 583, 584, 585, 586, 587, 588, 589, 590, 591, 592, 593, 594, 595, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 602, 603, 604, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 638, 639, 640, 641, 642, 643, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 654, 655, 656, 657, 658, 659, 660, 661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, 671, 672, 673, 674, 675, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 685, 686, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 710, 711, 712, 713, 714, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721, 722, 723, 724, 725, 726, 727, 728, 729, 730, 731, 732, 733, 734, 735, 736, 737, 738, 739, 740, 741, 742, 743, 744, 745, 746, 747, 748, 749, 750, 751, 752, 753, 754, 755, 756, 757, 758, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 767, 768, 769, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 777, 778, 779, 780, 781, 782, 783, 784, 785, 786, 787, 788, 789, 790, 791, 792, 793, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, 801, 802, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 811, 812, 813, 814, 815, 816, 817, 818, 819, 820, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838, 839, 840, 841, 842, 843, 844, 845, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 866, 867, 868, 869, 870, 871, 872, 873, 874, 875, 876, 877, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, 892, 893, 894, 895, 896, 897, 898, 899, 900, 901, 902, 903, 904, 905, 906, 907, 908, 909, 910, 911, 912, 913, 914, 915, 916, 917, 918, 919, 920, 921, 922, 923, 924, 925, 926, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 933, 934, 935, 936, 937, 938, 939, 940, 941, 942, 943, 944, 945, 946, 947, 948, 949, 950, 951, 952, 953, 954, 955, 956, 957, 958, 959, 960, 961, 962, 963, 964, 965, 966, 967, 968, 969, 970, 971, 972, 973, 974, 975, 976, 977, 978, 979, 980, 981, 982, 983, 984, 985, 986, 987, 988, 989, 990, 991, 992, 993, 994, 995, 996, 997, 998, 999, 1000

bảo đảm tính khả thi phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng giữ vững ổn định chính trị, không ngừng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững mạnh; khuyến khích phát huy cao vai trò của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, giảm nghèo, nâng cao đời sống của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện 3 đột phá lớn trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội: (1) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; (2) phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; (3) xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ.

Đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp đổi mới, phấn đấu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ; nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2020 trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực miền núi phía Bắc.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020

Tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân hàng năm (theo giá so sánh 2010) trên 8,0%.

- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng 40,0%; các ngành dịch vụ 39,0%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 21,0%.

- Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt trên 2.000 USD/năm.

- Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) trên 17.600 tỷ đồng.

- Giá trị xuất khẩu hàng hoá trên 135 triệu USD.

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân trên 4%/năm.

- Trên 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Thu hút 1,7 triệu lượt khách du lịch.

- Thu cân đối ngân sách địa phương trên 1.600 tỷ đồng.

- Duy trì 100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục các bậc học; tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 60%, trong đó qua đào tạo nghề trên 37%.

- Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá 90%; tỷ lệ thôn, bản, tổ nhân dân đạt chuẩn văn hoá 80%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 90%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp hơn 13%; có 70% xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã; 25 giường bệnh/10.000 dân.

- Tạo việc làm cho trên 100.000 lao động.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 3 - 4%/năm.
- Về môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng trên 60%; có 98% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, 95% dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% chất thải nguy hại, chất thải y tế và 90% chất thải rắn thông thường được xử lý.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Tăng cường quản lý nhà nước đối với công tác thực hiện quy hoạch, đảm bảo tính đồng bộ trong việc lập quy hoạch và thực hiện quy hoạch. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, chủ động hội nhập và hợp tác phát triển, nhằm thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh nhanh và bền vững; tập trung đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, các ngành dịch vụ theo hướng chất lượng cao, chuyên dịch ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống cho nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế của tỉnh so với mức bình quân chung của khu vực và cả nước; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Phát triển công nghiệp: Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa các doanh nghiệp theo kế hoạch được duyệt; chú trọng chuyển giao và ứng dụng có hiệu quả tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất; đẩy mạnh hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ doanh nhân của tỉnh, năng động, sáng tạo, thích ứng với cơ chế thị trường; tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, thông thoáng, bình đẳng để các thành phần kinh tế phát triển đa dạng; kịp thời tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh sản phẩm của doanh nghiệp, mở rộng thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu; phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung. Đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm chè, nhất là sản phẩm chè đặc sản, bột giấy, giấy, đồ gỗ xuất khẩu; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các nhà máy đường. Gắn kết chặt chẽ, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nhà máy chế biến và người trồng nguyên liệu; khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở khu vực nông thôn. Tập trung phát triển các làng có nghề truyền thống; tăng cường hỗ trợ đào tạo nghề khu vực nông thôn gắn với chính sách trợ giúp, tư vấn ứng dụng, chuyển giao công nghệ và thông tin thị trường một cách đồng bộ. Coi trọng việc khai thác, sử dụng các vật liệu sẵn có của địa phương nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

1.2. Phát triển các ngành dịch vụ, tăng cường công tác quản lý thu, chi ngân sách, tín dụng

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm có lợi thế của tỉnh; khuyến khích đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm Hội chợ triển lãm tỉnh, các cơ sở dịch vụ, hệ thống chợ theo quy hoạch. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam

ưu tiên dòng hàng Việt Nam". Thành lập Trung tâm xúc tiến đầu tư nhằm nâng cao năng lực xúc tiến đầu tư tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu trực tiếp các mặt hàng có thế mạnh của tỉnh.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, tập trung vào các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh như: Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Tân Trào; khu vực thành phố Tuyên Quang (Khu du lịch sinh thái Núi Dùm - Cổng Trời), khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm; khu du lịch sinh thái Na Hang...; xây dựng Khu du lịch Tân Trào trở thành Khu Du lịch Quốc gia; tăng cường các hoạt động xúc tiến, tuyên truyền, quảng bá du lịch, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch theo quy hoạch, đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

Nâng cao chất lượng vận tải hành khách đường bộ, nhất là các tuyến vận tải nội tỉnh; chú trọng công tác phát triển, quản lý tuyến vận tải và chất lượng phương tiện; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các phương tiện vận tải theo quy định để đáp ứng yêu cầu đi lại và giao lưu hàng hóa của nhân dân. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các bến xe khách tại thành phố Tuyên Quang, trung tâm các huyện và điểm đỗ, dừng xe tại các trung tâm xã theo quy hoạch.

Quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; đẩy mạnh huy động và cho vay vốn phục vụ hoạt động của các tổ chức kinh tế tại địa phương. Hiện đại hoá công nghệ ngân hàng, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, cung cấp các sản phẩm dịch vụ mới cho khách hàng với nhiều tiện ích, an toàn; triển khai thực hiện tốt các chính sách ưu đãi về miễn thuế, giảm thuế, gia hạn thuế, hoàn thuế tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng nguồn vốn và dư nợ hàng năm bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 25%/năm.

1.3. Phát triển vững chắc nông, lâm nghiệp, thủy sản

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững" phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Tuyên Quang.

Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất, chế biến gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh với sản lượng lương thực hàng năm đạt trên 33 vạn tấn, lương thực bình quân đầu người đạt trên 400 kg/người/năm.

Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 31/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Kết luận số 30-KL/TU ngày 02/8/2014 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 23/11/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XV) về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020. Huy động tối đa nguồn lực, huy động toàn xã hội tham gia thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Đầu tư, ổn định đời sống cho nhân dân tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang. Thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão giảm nhẹ thiên tai, di chuyển kịp thời các hộ dân sinh sống ở những khu vực rừng đặc dụng, rừng phòng hộ xung yếu, vùng thường xuyên bị thiên tai nguy hiểm đến định cư tại nơi an toàn, có điều kiện phát triển. Quan tâm đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi, nhất là các công trình thủy lợi có khả năng tưới tiêu lớn và hạn chế lũ lụt; tu sửa, nâng cấp, quản lý và khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi.

2. Huy động nguồn lực đầu tư, từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, bảo đảm cho phát triển nhanh và bền vững

Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 12/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Chủ động, tăng cường hợp tác với các địa phương trong cả nước, nhất là các tỉnh trong khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, các trung tâm kinh tế để hợp tác về đầu tư, thương mại và du lịch, đào tạo nguồn nhân lực; rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi để thu hút có hiệu quả các nguồn vốn ODA, FDI, NGO,... đầu tư vào tỉnh. Xây dựng danh mục, kế hoạch trung hạn về vận động thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Rà soát điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch chung xây dựng, từng bước nâng cấp thị trấn Na Hang lên đô thị loại IV và nâng đô thị thị trấn Na Hang lên thị xã; quy hoạch phát triển xã Thượng Lâm huyện Lâm Bình trở thành đô thị loại V. Triển khai quy hoạch một số thị trấn đô thị loại V tại trung tâm các xã.

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng mới, nâng cấp hệ thống giao thông vận tải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt, phấn đấu đến năm 2020 hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh hoàn chỉnh, đồng bộ đảm bảo kết nối nội vùng và liên vùng trong tỉnh, các tỉnh lân cận và hệ thống giao thông quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tích cực đề nghị Trung ương đầu tư xây dựng đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với đường cao tốc Côn Minh - Hải Phòng; đường Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh; đường vành đai II; đường sắt Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái. Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh hiện có theo quy hoạch; nhựa hóa hoặc bê tông xi măng các tuyến đường giao thông nông thôn. Hoàn thành xây dựng 02

cầu lớn (cầu Bình Ca, huyện Yên Sơn và cầu Tình Húc thành phố Tuyên Quang),...

Thực hiện đầu tư xây dựng, hoàn thành các công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố Tuyên Quang theo Nghị quyết số 37-NQ/TU ngày 29/6/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV về đẩy mạnh quy hoạch xây dựng và phát triển thành phố Tuyên Quang; phấn đấu đến năm 2020 cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II.

3. Về phát triển văn hóa - xã hội

3.1. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ Tám Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên trong các trường học đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ,... giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các bậc học, giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; tạo điều kiện thuận lợi để trẻ em đi học, chú trọng điều kiện cho con em đồng bào dân tộc. Thực hiện chương trình phổ cập giáo dục phổ thông mới theo hướng tích hợp ở những lớp dưới, chuyên sâu mạnh ở những lớp trên, phân luồng học sinh sau khi kết thúc chương trình giáo dục Trung học cơ sở và Trung học phổ thông để học sinh có thể lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực bản thân đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tiếp tục thực hiện đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên gắn với xây dựng trường chuẩn quốc gia; thực hiện đề án phát triển trường Trung học phổ thông Chuyên giai đoạn 2011 - 2020; thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú tại các xã đặc biệt khó khăn ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tạo điều kiện tốt nhất để con em nhân dân học tập. Cùng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các Trung tâm giáo dục thường xuyên - Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp - Dạy nghề. Tập trung thực hiện Quy hoạch và xây dựng Đề án phát triển Trường Trung cấp Y tế Tuyên Quang thành trường Cao đẳng Y tế Tuyên Quang; nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của Trường Cao đẳng nghề và Trung tâm dạy nghề ở các huyện để nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo.

3.2. Phát triển văn hóa, o, thông tin

Tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 23/3/2012 của UBND tỉnh thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Đầu tư xây dựng, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở. Thực hiện tốt công tác quản lý, phục hồi, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ phát triển du lịch; quan tâm công tác bảo tồn, tôn vinh và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, đặc biệt là các giá trị bản sắc

văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số. Chú trọng bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc gắn với phát triển du lịch. Hoàn thành hồ sơ hát Then trình UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể thế giới.

Quan tâm tạo điều kiện phát triển văn học, nghệ thuật; khuyến khích sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật có chất lượng gắn với quảng bá hình ảnh của tỉnh, giáo dục truyền thống cách mạng, phản ánh sinh động các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các loại hình hoạt động văn hóa, nghệ thuật, khuyến khích xã hội hóa hoạt động biểu diễn nghệ thuật; nhân rộng các mô hình văn nghệ quần chúng.

Chú trọng xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, là yếu tố quan trọng để nuôi dưỡng, giáo dục nhân cách, nếp sống cho mỗi người.

Phát triển đồng bộ thể thao thành tích cao, thể thao quần chúng và thể thao trong trường học; nâng cao tầm vóc, thể lực con người Tuyên Quang; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ vận động viên thể thao thành tích cao, những môn thể thao có thế mạnh của tỉnh. Quan tâm xây dựng đội ngũ huấn luyện viên, trọng tài, cán bộ làm công tác thể dục thể thao.

Nâng cao chất lượng thông tin báo chí, quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ, năng lực thực tiễn cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa - thông tin và phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên báo chí. Đầu tư đổi mới trang thiết bị, mở rộng vùng phủ sóng nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình; tăng thời lượng phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc, coi trọng việc giữ và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, xóa bỏ các tập tục lạc hậu. Đến năm 2020, hầu hết nhân dân trên địa bàn tỉnh được nghe đài tiếng nói Việt Nam và xem truyền hình Việt Nam.

3.3. Chăm sóc nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

Tổ chức thực hiện các mục tiêu Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 13/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 16/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; phấn đấu đến năm 2020, cơ bản việc kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập và phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, góp phần nâng cao tầm vóc và thể lực của người dân đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

Tiếp tục thực hiện các chính sách về xã hội hóa công tác y tế. Huy động, khai thác và sử dụng các nguồn lực để thực hiện đầu tư trang thiết bị hiện đại theo phân tuyến kỹ thuật phục vụ khám và chữa bệnh; chú trọng công tác phòng bệnh cho nhân dân, chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh không đề dịch lớn xảy ra; đầu tư nâng cấp đồng bộ hệ thống cơ sở khám chữa bệnh; tiếp tục đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ y tế theo hướng chuyên ngành, cân đối giữa các chuyên khoa. Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ là

trưởng, phó khoa của bệnh viện tuyến huyện, trung tâm y tế huyện đạt trình độ chuyên khoa cấp I trở lên, 100% số xã có bác sĩ; 70% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

3.4. Thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững

Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 05/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện chương trình giảm nghèo giai đoạn 2012 - 2015 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016-2020. Tiếp tục thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, trong đó ưu tiên dạy nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; các tổ chức đoàn thể tập trung tuyên truyền, hướng dẫn hộ nghèo lập và tổ chức thực hiện phương án sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện cho người nghèo được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, kinh doanh từ các tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội.

Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân mở cơ sở dạy nghề, đa dạng hóa cơ sở dạy nghề. Gắn dạy nghề với tạo việc làm đối với lao động nghèo phù hợp với lao động, cơ cấu ngành nghề của địa phương, ưu tiên dạy các nghề có thể tự tạo việc làm tại chỗ, tạo điều kiện để người nghèo tự vươn lên thoát nghèo, phân đầu giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm 3-4%/năm.

4. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Tiếp tục thực hiện Quy hoạch, phát triển nhân lực tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020; xây dựng cơ chế khuyến khích thu hút nguồn nhân lực phát triển khoa học, công nghệ; có chính sách ưu đãi cho cán bộ công tác ở các xã đặc biệt khó khăn; chính sách thu hút cán bộ có trình độ về tỉnh công tác. Phát triển mạnh đào tạo nghề, quy hoạch mạng lưới dạy nghề trong toàn tỉnh; nâng cấp và củng cố các cơ sở đào tạo nghề. Nâng cao chất lượng lao động được đào tạo nghề, nhất là các ngành nghề công nghiệp, chế biến nông, lâm sản. Ưu tiên đào tạo nghề tại chỗ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Chủ động phối hợp, liên kết với các trường cao đẳng, đại học, trung cấp nghề trong nước và nước ngoài để tiếp tục hình thành, mở rộng quy mô các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh; Tăng cường hợp tác, trao đổi với các tỉnh trong khu vực và cả nước trong công tác đào tạo, sử dụng nhân lực. Xây dựng Trường Đại học Tân Trào trở thành trường Đại học có thương hiệu trong các trường Đại học cả nước, là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học có chất lượng cao trong vùng trung du và miền núi phía Bắc. Củng cố, sắp xếp hợp lý các trường chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề của tỉnh. Xây dựng và đầu tư nâng cấp Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang thành trường đi đầu về đào tạo công nhân lành nghề, kỹ thuật cao.

Đẩy mạnh xã hội hoá trong công tác phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Mở rộng quy mô, đa dạng hình thức, nâng cao chất lượng đào tạo những nghề mà xã hội có nhu cầu; khuyến khích đầu tư các cơ sở đào tạo nghề với trang thiết bị hiện đại để đào tạo lao động chất lượng cao, cơ cấu ngành nghề hợp lý, gắn với nhu cầu của thị trường và tham gia xuất khẩu lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5. Tăng cường công tác cải cách hành chính, công tác tư pháp, thanh tra, phòng chống tham nhũng, lãng phí; Giữ vững quốc phòng - an ninh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai, thuế, xuất khẩu... để cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi hơn cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển kinh tế; tiếp tục đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư pháp đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, việc chấp hành các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, kịp thời nắm bắt, phát hiện những vướng mắc, khó khăn phát sinh ở cơ sở; xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm.

Thực hiện tốt việc phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh. Nắm chắc tình hình, duy trì thực hiện nghiêm túc chế độ sẵn sàng chiến đấu ở các cấp, xử lý kịp thời, có hiệu quả, làm thất bại âm mưu, hoạt động "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng toàn diện và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang; xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên vững mạnh; tuyên quân hàng năm đủ chỉ tiêu và đảm bảo chất lượng.

Đẩy mạnh công tác nắm tình hình, chủ động phát hiện, xử lý có hiệu quả những phức tạp nảy sinh ngay từ cơ sở, không để hình thành điểm nóng; làm tốt công tác đảm bảo an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hoá tư tưởng, an ninh nông thôn, an ninh thông tin, an ninh xã hội...; tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 06/11/2012 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 14/CTr/TU ngày 17/6/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào công tác an ninh đáp ứng yêu cầu trong hội nhập kinh tế thế giới. Thực hiện tốt các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông; Pháp lệnh Công an xã gắn với đổi mới nội dung, phương thức xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ đủ sức hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ở địa phương.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền.

Tiếp tục tăng cường đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền phổ biến Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004; Kết luận số 26-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị; Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày

07/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khóa XV thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020 tới toàn thể cán bộ, đảng viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân nhận thức rõ hơn, tạo được sự đồng thuận cao hơn trong xã hội về mục tiêu, yêu cầu tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ và nội dung chủ yếu trong kế hoạch này (có biểu chi tiết kèm theo), Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức, chỉ đạo thực hiện xây dựng kế hoạch và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

1.1.. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện các giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thành phố rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội theo quy định hiện hành; phối hợp với Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài tỉnh để thu hút vốn đầu tư thực hiện các dự án theo quy hoạch.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp để huy động, cân đối và lồng ghép các nguồn lực đảm bảo vốn cho đầu tư phát triển. Thường xuyên rà soát, kiểm tra tình hình triển khai các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhưng chậm triển khai, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi hoặc chuyển giao cho chủ đầu tư khác.

1.2. Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đề xuất các giải pháp chủ yếu về điều hành ngân sách đảm bảo chặt chẽ đúng quy định theo từng giai đoạn ổn định ngân sách nhà nước. Quản lý chặt chẽ chi tiêu ngân sách, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các khoản chi ngân sách nhà nước, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong sử dụng ngân sách nhà nước. Phối hợp với Sở Công thương, và các đơn vị liên quan trong hoạt động phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

1.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông lâm nghiệp; phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng cường đầu tư thâm canh, tăng năng suất, chất lượng cây trồng, chú trọng các loại cây có giá trị kinh tế cao; hướng dẫn đôn đốc các xã thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới; rà soát, đề xuất đầu tư tu sửa, nâng cấp, quản lý và khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi nhất là các công trình thủy lợi có khả năng tưới tiêu lớn và hạn chế lũ lụt nhằm cung cấp nước

phục vụ sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt cho nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch di chuyển các hộ dân ở vùng nguy hiểm do thiên tai, vùng rừng đặc dụng, phòng hộ xung yếu. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.

1.4. Sở Công thương

Tổ chức Hội nghị giao ban về sản xuất công nghiệp và xuất khẩu định kỳ hàng tháng với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và xuất khẩu trên địa bàn tỉnh; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sản xuất công nghiệp, đồng thời nắm chắc tình hình kinh doanh của doanh nghiệp để kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu. Phối hợp với Ban Chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và các đơn vị có liên quan trong hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

1.5. Công an tỉnh

Thực hiện tốt công tác tham mưu, tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và nhân dân về thế trận an ninh nhân dân kết hợp với nền quốc phòng toàn dân; thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh chính trị, đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch và các loại tội phạm khác; phát hiện, ngăn chặn, xử lý kiên quyết những hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông; củng cố xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

1.6. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Tăng cường các biện pháp phòng thủ tác chiến, nắm tình hình, chủ động xử lý hiệu quả các tình huống về quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân và nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo kế hoạch.

1.7. Ban Dân tộc

Phối hợp với các cơ quan đơn vị trong việc thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là hộ nghèo; tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ để họ ổn định cuộc sống, từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững; thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2014-2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.8. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025 của huyện, thành phố đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm

2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025 của tỉnh; hằng năm tổ chức rà soát xác định lĩnh vực ưu tiên, giải pháp huy động và sử dụng vốn cho từng chương trình, dự án để xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển.

2. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch. Các sở, ban, ngành và địa phương, định kỳ ngày 25 tháng 6 và 25 tháng 12 hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình kết quả thực hiện; đồng thời gửi báo cáo đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi tổng hợp.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị chủ động đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- Các chuyên viên Khối NCTH;
- Lưu VT, TH (Hth 95)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH




Châu Văn Lâm



BIỂU TỔNG HỢP MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Kèm theo Kế hoạch số 25 /KH-UBND ngày 31 /3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	NỘI DUNG	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cơ quan quyết định, ban hành	Ghi chú
1	Hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2015	Thủ tướng Chính phủ	
2	Đề xuất thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	UBND tỉnh	
3	Hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thành phố đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025.	UBND các huyện, thành phố	Các Sở, Ban, Ngành	Năm 2016	UBND tỉnh	
4	Hoàn thành và đề xuất việc thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2015	UBND tỉnh	
5	Đề án bảo vệ môi trường nông thôn trong hoạt động xử lý chất thải bao bì thuốc bảo vệ thực vật và nâng cao nhận thức, hành động của người dân trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật giai đoạn 2016-2020.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2015	UBND tỉnh	
6	Hoàn thành Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035.	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2015	Bộ Công Thương; UBND tỉnh	
7	Dự án quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng bán lẻ.	Sở Công thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Các tổ chức, cá nhân có liên quan.	Năm 2016	UBND tỉnh	

Số TT	NỘI DUNG	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cơ quan quyết định, ban hành	Ghi chú
8	Quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh thuốc lá	Sở Công thương	Các tổ chức, cá nhân có liên quan.	Năm 2017	UBND tỉnh	
9	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối năm 2016-2020 tỉnh Tuyên Quang.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố	Năm 2016	Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh	
10	Xây dựng kế hoạch, lộ trình áp dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện giao dịch điện tử để giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành có liên quan; UBND huyện, thành phố	2020	UBND tỉnh	
11	Chính sách hỗ trợ làm đường giao thông đối với các xã vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh.	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2016	UBND tỉnh	
12	Chính sách hỗ trợ trực thực hiện công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường giao thông nông thôn.	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2016	UBND tỉnh	
13	Điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể mạng lưới giao thông tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2016	UBND tỉnh	
14	Xây dựng kế hoạch và nội dung đề UBND tỉnh làm việc với Trung ương đề nghị đầu tư xây dựng đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với đường cao tốc Côn Minh - Hải Phòng; đường Hồ Chí Minh; đường sắt Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái và các dự án theo quy hoạch đảm bảo liên kết vùng.	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2015-2016		
15	Thí điểm phủ sóng wi-fi các điểm du lịch Di tích ATK Tân Trào, Sinh thái Na hang, Suối khoáng Mỹ Lâm phục vụ du khách.	Sở Thông tin Truyền thông	Các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2016	UBND tỉnh	
16	Đề án hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hạ tầng kết nối internet đến các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn	Sở Thông tin Truyền thông	Các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2017	UBND tỉnh	

Số TT	NỘI DUNG	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cơ quan quyết định, ban hành	Ghi chú
17	Nâng cấp Hạ tầng kỹ thuật Công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước hiện đại, đồng bộ, đảm bảo an toàn an ninh thông tin.	Sở Thông tin Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Năm 2018	UBND tỉnh	
18	Triển khai ứng dụng chứng thực điện tử và chữ ký số chuyên dùng trong giao dịch điện tử cho tất cả các cơ quan, đơn vị cấp huyện và cấp tỉnh.	Sở Thông tin Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Năm 2019	UBND tỉnh	
19	Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng; xây dựng và đăng ký thương hiệu sản phẩm, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và công nghệ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên		
20	Hoàn thành Hồ sơ công viên địa chất quốc gia Na Hang – Lâm Bình	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành có liên quan; UBND huyện Lâm Bình, Na Hang	Năm 2016		
21	Dự án quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành có liên quan; UBND huyện Sơn Dương	Năm 2020		
22	Xây dựng và thực hiện phát triển hệ thống tín dụng đáp ứng tối đa nhu cầu nguồn vốn cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Tăng cường quản lý nhà nước về tiền tệ và các hoạt động ngân hàng trên địa bàn; điều chỉnh cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn cho lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, sản xuất, tạo việc làm, thúc đẩy tăng trưởng bền vững.	Ngân hàng Nhà nước	Các Sở, ngành có liên quan; UBND huyện, thành phố	Thường xuyên		

Số TT	NỘI DUNG	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cơ quan quyết định, ban hành	Ghi chú
23	Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, giai đoạn 2015 – 2020.	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2015	UBND tỉnh	
24	Rà soát phân định các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo khu vực I, II, III giai đoạn 2016 – 2020.	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Theo KH của Trung ương	UBND tỉnh	
25	Thực hiện chương trình giáo dục trong Trường phổ thông dân tộc nội trú theo đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Triển khai thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giáo viên công tác tại vùng dân tộc thiểu số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành và cơ quan có liên quan	2014-2020		
26	Xây dựng kế hoạch để tỉnh phối hợp với các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài đẩy mạnh hoạt động giới thiệu, quảng bá về các chủ trương, chính sách, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Tuyên Quang.	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành có liên quan	Hàng năm		
27	Tăng cường các biện pháp phòng thủ tác chiến, nắm tình hình, chủ động xử lý hiệu quả các tình huống về quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân sẵn sàng chiến đấu bảo vệ giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn tỉnh.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên		
28	Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng ngừa phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm xâm phạm. Chủ động xử lý tốt các vấn đề về an ninh phát sinh trong quá trình hội nhập quốc tế.	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên		